

Quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở nước ta trong thời kỳ Đổi mới

Trần Văn Rón^(*)

Tóm tắt: Trong 30 năm Đổi mới, nước ta có nhiều bước chuyển quan trọng trong nhận thức và vận dụng mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất (LLSX) và quan hệ sản xuất (QHSX). Nhưng có hai bước chuyển lớn và rất căn bản, quyết định các bước chuyển khác. Bước chuyển thứ nhất là khi bước vào Đổi mới, xác lập lại quan điểm về quan hệ giữa sở hữu và sự phát triển của các LLSX. Bước chuyển thứ hai là chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. 30 năm Đổi mới có thể xem là 30 năm xử lý thành công vấn đề sở hữu nói riêng và vận dụng quy luật QHSX - LLSX nói chung của nước ta.

Tuy vậy, hiện nay cần lưu ý xem xét, làm rõ một số vấn đề sau đây: 1. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; 2. Xác định kinh tế tập thể đóng vai trò nền tảng của nền kinh tế; 3. Xây dựng thể chế kinh tế với tính cách là một phương diện biểu hiện chế độ sở hữu; 4. Công tác quy hoạch phát triển các LLSX.

Từ khóa: Lực lượng sản xuất, Quan hệ sản xuất, Thời kỳ Đổi mới, Kinh tế thị trường, Cương lĩnh

I. Mối quan hệ giữa LLSX và QHSX hay còn được gọi là quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX là một trong số các vấn đề rất căn bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử nói riêng và của triết học Marx-Lenin nói chung, là một nội dung đặc biệt của lý luận về hình thái kinh tế - xã hội. Đây cũng là một trong những vấn đề rất phức tạp của triết học, đặc biệt khi nghiên cứu và ứng dụng vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam trong các giai đoạn trước

đây, khi xác định tiến lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Ngay cả hiện nay, với chủ trương xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thì vấn đề về quan hệ giữa LLSX và QHSX vẫn là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn rất căn bản, là điểm then chốt của lý luận và thực tiễn hiện nay.

1. Trong 30 năm Đổi mới ở nước ta vừa qua, có nhiều bước chuyển quan trọng trong nhận thức và vận dụng mối

^(*) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

quan hệ giữa LLSX và QHSX. Nhưng có hai bước chuyển lớn và rất căn bản, quyết định các bước chuyển khác.

Bước chuyển thứ nhất là khi bước vào Đổi mới, chúng ta đã xác định lại quan hệ giữa sở hữu và sự phát triển của LLSX. Với quan niệm mỗi hình thái kinh tế xã hội được đặc trưng bởi một chế độ sở hữu xác định, trước Đổi mới trong cả thời kỳ dài, nước ta cũng như các nước trong hệ thống XHCN đã thiết lập chế độ sở hữu công cộng dưới hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Sở hữu công cộng là mục tiêu của nền kinh tế, là thước đo sự phát triển. Đây là một trong những nguyên nhân của sự trì trệ, suy thoái, khủng hoảng rồi sụp đổ của hệ thống XHCN.

Quan niệm này cũng cho rằng, QHSX lạc hậu luôn kìm hãm sự phát triển của các LLSX. Nó có thể và cần phải được phát triển vượt trước để mở đường cho LLSX phát triển; nó càng vượt trước, càng tiên tiến thì càng có tác dụng mở đường và thúc đẩy các LLSX phát triển. Trong thực tế, mở đường và tiên tiến lại được hiểu là quy mô sở hữu càng lớn thì càng tiên tiến, càng có tác dụng mở đường, thúc đẩy kinh tế và xã hội phát triển. Xác lập chế độ công hữu với các nhà máy và hợp tác xã quy mô càng lớn, thì chế độ xã hội càng được xem là ưu việt.

Trong bối cảnh khủng hoảng của CNXH lúc bấy giờ, bước chuyển thứ nhất trong lý luận về quan hệ giữa sở hữu và sự phát triển của các LLSX đã diễn ra. Vai trò của sở hữu đã được nhìn nhận lại; sở hữu không còn được xem như là mục tiêu mà chỉ là công cụ để phát triển cho thích hợp với từng giai đoạn phát triển. QHSX không chỉ kìm hãm các LLSX phát triển khi nó lạc hậu

hơn trình độ của LLSX mà còn kìm hãm cả khi nó vượt trước quá xa. Vấn đề là ở từng giai đoạn phát triển phải xác lập và hoàn thiện QHSX cho phù hợp với trình độ của LLSX. Bước đột phá này diễn ra từ Đại hội Đảng VI (1986) và là một trong những điểm đổi mới đầu tiên trong đổi mới tư duy lý luận ở nước ta.

Bước chuyển thứ hai là chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đột phá này xuất hiện như một quá trình chuyển đổi nhận thức liên tục từ khi có đột phá thứ nhất. Đột phá thứ nhất mang tính lý luận chung, nền tảng, bao quát, có tính phương pháp luận. Đột phá thứ hai cũng mang tính lý luận nền tảng, nhưng tính chất ứng dụng, cụ thể và thực tiễn nhiều hơn. Nó tạo chuyển động thực sự hơn trong đời sống kinh tế so với đột phá thứ nhất.

Bước đột phá thứ hai diễn ra như một quá trình đi từ chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN. Trong đó kinh tế nhà nước mà thực chất là kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng; kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân; kinh tế cá thể có phạm vi tương đối rộng, từng bước đi vào làm ăn theo con đường hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi; kinh tế tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do pháp luật quy định; phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức; kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh.

2. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH năm 1991 khẳng định rằng, xã hội XHCN mà

nhân dân ta xây dựng là một xã hội với 6 đặc trưng, trong đó có một đặc trưng cụ thể và trực tiếp nói về QHSX và LLSX: “Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu”. Để có được nền kinh tế đó thì phải nắm vững một trong các phương hướng cơ bản: “phù hợp với sự phát triển của LLSX, thiết lập từng bước QHSX XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, tr.134,135).

Đại hội VIII (1996) đã xác định 5 thành phần kinh tế tồn tại ở nước ta, bao gồm: kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. Đại hội IX (2001) bổ sung thêm một thành phần kinh tế là kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Các Đại hội VIII, IX, X cũng đã đổi mới, phát triển và hoàn thiện các luận điểm về thái độ, chính sách đối với các thành phần kinh tế khác nhau: Các thành phần kinh tế đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, cùng hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu. Phát huy sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế, đa dạng hoá hình thức sở hữu và quy mô để phát triển công nghiệp và xây dựng với cơ cấu ngành nghề phù hợp với nguồn lực, lợi thế và thị trường ở các vùng, các địa phương... Trong đó kinh tế

nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo và quyết định trong việc giữ vững định hướng XHCN, đảm bảo ổn định và phát triển cho đất nước.

Cương lĩnh 1991, sửa đổi, bổ sung năm 2011 tiếp tục khẳng định: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng XHCN. Phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Đại hội VIII cũng đã khẳng định thêm nội dung Cương lĩnh 1991 theo

hướng đổi mới quan niệm về quan hệ giữa LLSX và QHSX: Giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế và các hình thức tổ chức kinh doanh (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996). Đại hội IX làm rõ tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc xây dựng và hoàn thiện QHSX là thúc đẩy LLSX phát triển, cải thiện được đời sống nhân dân và thực hiện công bằng xã hội. Đây là luận điểm quan trọng và có ý nghĩa trong thực tiễn, nó chỉ ra không chỉ tiêu chí đánh giá việc xây dựng, hoàn thiện QHSX, mà quan trọng hơn nó cung cấp cả tiêu chí để đánh giá sự phù hợp của QHSX được xây dựng và hoàn thiện với trình độ LLSX. Tiêu chí này là bước phát triển của hai bước chuyển đột phá nói trên, khiến cho lý luận về CNXH thêm sáng rõ.

3. Một phương diện khác trong nội dung của quan hệ giữa LLSX và QHSX là vấn đề phân phối, như một trong các yếu tố căn bản của QHSX. Cương lĩnh 1991 đã thể hiện rõ bước tiến nhận thức dài từ Đại hội VI về vấn đề này: Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu. Khuyến khích việc tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân phối theo lao động (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991).

Công bằng xã hội không chỉ được thực hiện trong phân phối kết quả sản

xuất mà còn được thực hiện cả trong phân phối tư liệu sản xuất, tạo điều kiện để mọi người phát huy tối đa năng lực. Đây là luận điểm tiếp tục của tư tưởng giải phóng sức sản xuất được nêu trong Cương lĩnh 1991. Chúng ta cũng chủ trương khuyến khích làm giàu hợp pháp; chăm lo xóa đói giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư; chăm lo đời sống nhân dân các vùng căn cứ cách mạng trước đây, các gia đình chính sách.

Tư tưởng chung trong vấn đề phân phối ở các Đại hội VIII, IX, X là thừa nhận sự tồn tại các hình thức thuê lao động, thừa nhận các hình thức khác nhau của chế độ sở hữu (QHSX), nhưng không biến các quan hệ sở hữu tư nhân trở thành quan hệ thống trị trong xã hội Việt Nam. Nguyên tắc phân phối nhất quán của Đảng ta là: chủ yếu dựa vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế; dựa vào mức độ đóng góp các nguồn lực khác nhau; bên cạnh đó phân phối cũng được thực hiện thông qua hệ thống phúc lợi xã hội, đồng thời phải mở rộng hệ thống an sinh xã hội.

Những quan điểm về phân phối như vậy là rất đầy đủ, toàn diện, nhất quán với tư tưởng về sự phù hợp của QHSX với trình độ của các LLSX; phù hợp với sự tồn tại các hình thức sở hữu ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, tương ứng với trình độ các LLSX hiện có.

4. Xuất phát từ nền sản xuất nhỏ, lại trải qua chiến tranh lâu dài, các LLSX của nước ta có trình độ phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, so với khu vực, thế giới và yêu cầu phát triển, hội nhập là rất thấp. Do vậy, không chỉ chú trọng xây dựng, hoàn

thiện các QHSX, phân phối mà việc nhận thức, triển khai việc phát triển các LLSX và tổ chức, quản lý sản xuất cũng quan trọng không kém. Nếu hoàn thiện QHSX trong 30 năm Đổi mới chủ yếu có tác dụng tận dụng được các LLSX đã có và tạo địa bàn cho chúng phát triển, thì việc chủ động phát triển các LLSX lại trực tiếp tạo nên diện mạo nền sản xuất hiện đại của đất nước.

Cương lĩnh 1991 nêu các tư tưởng rất căn bản, phù hợp thực tế, có tính khách quan, khoa học nhằm thúc đẩy sự phát triển các LLSX nước ta, tuân thủ quy luật QHSX - LLSX trong điều kiện cụ thể của đất nước. Những tư tưởng về phát triển các LLSX ở nước ta trong 30 năm qua là nhất quán và có sự thay đổi phù hợp với thực tiễn. Nhiệm vụ trung tâm là phát triển các LLSX, tiến hành công nghiệp hóa theo hướng hiện đại trên cơ sở phát triển nông nghiệp toàn diện, từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, không ngừng nâng cao năng suất lao động để hình thành nền kinh tế công nghiệp với cơ cấu công - nông nghiệp và dịch vụ hợp lý. Nền kinh tế ấy gắn liền với phân công và hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng. Xây dựng các ngành công nghiệp nặng bằng những bước đi thích hợp, trong đó ưu tiên các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Xây dựng các trung tâm kinh tế vùng và thực hiện liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương, liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hóa. Để thực hiện các quan điểm như vậy, Cương lĩnh 1991 nhấn mạnh vai trò then chốt của khoa học và công nghệ trong phát triển LLSX, gắn giáo dục và đào tạo với phát

triển khoa học, kỹ thuật, với phát triển kinh tế, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Những tư tưởng này là rất đúng đắn, có tác dụng vừa thay đổi những nhận thức sai lệch trong xã hội, vừa thống nhất tư tưởng và định hướng đúng đắn hoạt động của các chủ thể trong xã hội để phát triển các LLSX.

Từ sau Đại hội VII (1991), các Văn kiện Đại hội Đảng cũng đã khẳng định thêm các tư tưởng của Cương lĩnh 1991 về phát triển LLSX. Giai đoạn trước Đại hội VIII là giai đoạn chuẩn bị tiền đề để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giai đoạn từ sau Đại hội VIII là giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đến năm 2020 về cơ bản nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để thực hiện được nhiệm vụ đó thì phải xem công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp chung của toàn dân. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta vừa có những bước tuần tự, vừa có những bước nhảy vọt, và theo mô hình kinh tế mở, gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế và kinh tế thị trường, tranh thủ cơ hội để rút ngắn quá trình thực hiện. Các Đại hội IX, X đã nêu tư tưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ, trong nội bộ ngành;...

Kế thừa những tư tưởng đúng đắn ấy, Cương lĩnh 2011 đã có những điều chỉnh nhất định phù hợp với giai đoạn phát triển mới về sự phát triển các LLSX, xây dựng và hoàn thiện QHSX. Đại hội XI (2011) tiếp tục khẳng định xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân

chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiến bộ phù hợp; nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển. Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng XHCN. Để thực hiện thành công các mục tiêu trên phải thực hiện tốt 8 phương hướng cơ bản, trong đó có: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, trong đó có: quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN, và quan hệ giữa phát triển LLSX với xây dựng, hoàn thiện từng bước QHSX XHCN (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Tư tưởng về nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiến bộ phù hợp là sự tiếp tục nhất quán tư tưởng của các Đại hội trước. Việc xác định “QHSX tiến bộ phù hợp” là khoa học, sát hợp với thực tiễn nước ta. Chúng ta chưa thể kỳ vọng có được QHSX tiên tiến. Các LLSX ở nước ta đang có các trình độ rất khác nhau, từ rất lạc hậu đến tương đối hiện đại so với

khu vực, và cũng không thể nhanh chóng có được các LLSX hiện đại, mà phải từng bước, thường xuyên, liên tục phát triển chúng. Đồng thời chúng ta cũng phải sử dụng đồng thời các trình độ LLSX khác nhau đó trong cả thời kỳ quá độ lâu dài. Do vậy, việc xác định “QHSX tiến bộ phù hợp” là rất xác đáng, có căn cứ và thích hợp với trình độ các LLSX đang thay đổi hiện nay.

Cương lĩnh 2011 và Đại hội XI cũng tiếp tục khẳng định các nội dung phát triển LLSX của các Đại hội trước đây: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Điều này là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn nước ta sau một thời kỳ xây dựng và phát triển trong đó nông nghiệp đã được xem là mặt trận hàng

dầu, công nghiệp nhẹ đã được ưu tiên phát triển một giai đoạn dài. Đi lên từ sản xuất nhỏ, thiếu hẳn nền tảng công nghiệp nặng đủ sức trang bị mới công nghệ cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, bây giờ đã đến lúc chúng ta cần có nền công nghiệp nặng. Với khả năng có hạn, chúng ta không thể phát triển LLSX theo kiểu dàn đều.

II. Nhìn chung, trên phương diện lý luận về mối quan hệ giữa LLSX và QHSX, các tư tưởng của Đảng ta từ khi Đổi mới đến nay, thể hiện qua các Văn kiện, Cương lĩnh 1991 và 2011, là những tư tưởng khoa học, đúng đắn, phản ánh đúng quy luật khách quan về sự phù hợp của QHSX với trình độ các LLSX. Chúng phù hợp với thực tế về trình độ phát triển của các LLSX lẫn thực trạng QHSX hiện có. Chúng cũng thích hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, lịch sử và tương quan phát triển của nước ta trong điều kiện quốc tế hiện nay. Chính nhờ vậy, chúng góp phần mang lại những thành công to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới. Ở giai đoạn hiện nay, theo chúng tôi, những tư tưởng, luận điểm ấy vẫn đúng đắn, vẫn là những tư tưởng cần được thống nhất chỉ đạo, định hướng cho hoạt động của các cấp ủy Đảng và chính quyền, các chủ thể xã hội khác nhau để thúc đẩy nền kinh tế và đời sống xã hội phát triển. 30 năm Đổi mới có thể xem là 30 năm xử lý thành công vấn đề sở hữu nói riêng và vận dụng quy luật QHSX - LLSX nói chung của chúng ta.

Tuy nhiên, trong thời điểm hiện nay, theo chúng tôi cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, nên cân nhắc và thảo luận nhiều hơn về vai trò chủ đạo của

kinh tế nhà nước. Theo chúng tôi, chỉ cần xác định kinh tế nhà nước là nền tảng của nền kinh tế quốc dân là đầy đủ. Để tình trạng “kinh tế nhà nước là chủ đạo” như hiện nay có thể đem đến những hệ lụy xấu hơn. Về nguyên tắc, trong kinh tế thị trường các thành phần sở hữu đều bình đẳng thì không thể coi thành phần nào là “chủ đạo”. Khái niệm “chủ đạo” ở đây vừa không xác định, vừa mâu thuẫn với chính kinh tế thị trường mà chúng ta đang cần xây dựng.

Thêm nữa, Nhà nước phải đảm nhận công quyền và một số dịch vụ, còn kinh tế nên tiếp tục chuyển vai trò cho các thành phần khác. Nói như vậy không có nghĩa là xóa bỏ kinh tế nhà nước, mà nên xác định lại quy mô, phạm vi, mức độ và vai trò của nó để tổ chức, quản lý và sử dụng tài sản, nguồn lực hiệu quả hơn. Nhà nước có thể dùng nhiều công cụ khác để điều tiết, định hướng nền kinh tế chứ không chỉ bằng doanh nghiệp nhà nước. Nên tách rõ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp quốc nội ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay doanh nghiệp nước ngoài, từ đó nên để cho hệ thống doanh nghiệp trở thành hệ thống động về kinh doanh, tự lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh, còn Nhà nước chỉ tạo lập hành lang hoạt động và điều tiết, định hướng bằng các công cụ thích hợp. Cần để doanh nghiệp nhà nước tự hoạt động thích hợp với các điều kiện của thị trường và trong khuôn khổ pháp luật.

Thứ hai, việc xác định kinh tế tập thể đóng vai trò nền tảng của nền kinh tế cũng cần được xem xét kỹ trong điều kiện nước ta hiện nay. Bản thân nội hàm khái niệm này không xác định

chính xác bản chất của loại hình sở hữu. Không có sở hữu tập thể mà là sự liên kết của các sở hữu cá nhân, là sự hỗn hợp của nhiều chủ sở hữu khác nhau. Xu hướng phát triển của các hợp tác xã, của “sở hữu tập thể” hiện nay chắc chắn không phải là ngày càng “tập thể” hơn. Việc hợp tác trong quá trình sản xuất, kinh doanh là tất yếu, nhưng điều đó bắt nguồn từ tính tất yếu kinh tế - kỹ thuật khác hẳn với các hình thức hợp tác xã hiện nay ở nước ta. Năng lực, khả năng, công nghệ, quy mô và trình độ quản lý chưa đủ cạnh tranh với các hộ sản xuất cá thể. Ở nông thôn, các hợp tác xã thường chỉ đảm bảo cung cấp một số dịch vụ, chỉ đủ khả năng tồn tại mà không thấy tương lai phát triển, v.v... nên khó có thể trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc gia.

Thứ ba, cần quán triệt hơn các quan điểm, tư tưởng của Cương lĩnh và các Đại hội gần đây, cụ thể hóa chúng để xây dựng thể chế kinh tế với tính cách là một bộ phận, một phương diện biểu hiện chế độ sở hữu và thể hiện sự phù hợp của QHSX với trình độ LLSX. Thực trạng thể chế của chúng ta hiện nay vừa có tính chất kinh tế thị trường, vừa có tính chất kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, xin cho, độc quyền, vừa gây khó khăn, cản trở phát triển, vừa hỏng, thiếu, yếu gây nhiều hệ lụy. Tham nhũng, lãng phí, thiệt hại lớn, thiếu hiệu quả, vô trách nhiệm là hệ quả của tình trạng yếu kém về thể chế. Sẽ không có được những thay đổi cả trong giáo dục, đào tạo lẫn phát triển kinh tế, càng không thể tái cơ cấu và chuyển đổi mô hình phát triển một cách có hiệu quả nếu không có đột phá về chuyển đổi thể chế. Phải xem chuyển

đổi thể chế là bước đột phá của các bước đột phá khác.

Trong thực tế, thể chế kinh tế của chúng ta hiện nay giống như một hỗn dung nhiều thứ trái ngược, mâu thuẫn, bất hợp lý, không tạo nên được sự hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng và phát triển. Đây là lúc chúng ta cần có thêm động lực để lấy lại đà tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững. *Nguồn động lực đó phải đến từ đổi mới thể chế và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân*. Trong tình hình hiện nay, khâu căn bản có thể tạo nên đột phá chính là đổi mới, hoàn thiện thể chế như là một nội dung quan trọng của QHSX, làm cho nó tiến bộ phù hợp với trình độ các LLSX.

Thứ tư, cần phải làm tốt công tác quy hoạch phát triển các LLSX. Đây là một nội dung căn bản, là điều kiện thiết yếu của mối quan hệ LLSX - QHSX. Về mặt lý luận, các LLSX trong xã hội hiện đại phải được quy hoạch phát triển đúng thì mới thúc đẩy đời sống kinh tế - xã hội phát triển, hạn chế lãng phí và tăng tốc độ phát triển của đất nước. Trái lại, chúng có thể trở thành lực lượng phá hoại, kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội. Trong thực tế hiện nay, công tác quy hoạch phát triển các LLSX ở nước ta thời gian qua còn yếu, thể hiện ở tính tản mạn, vụn vặt, đơn lẻ, tách rời, tầm ngắn; thiếu và yếu về tính tổng thể, bao quát, thống nhất giữa các ngành, nghề, các địa phương, khu vực, giữa ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, chiến lược. Đồng thời, việc quy hoạch ấy cũng thiếu và yếu cả về tính kết nối trong và ngoài nước, giữa sự phát triển khoa học công nghệ, thị trường, toàn cầu hoá, hợp tác quốc tế. Điều đó khiến cho nhiều chương trình phát triển giảm hiệu quả,

thậm chí gây lãng phí và phá hoại nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả quy hoạch sự phát triển các LLSX là vấn đề hết sức quan trọng trong giai đoạn tới.

Bốn vấn đề trên đây vừa cấp thiết, vừa là những điểm yếu, thiếu, bất cập trong thời gian vừa qua, vừa là bốn vấn đề căn bản chưa được đề cập đúng mức, đúng tầm trong Cương lĩnh, các Văn kiện và cũng chưa được các cấp, các ngành, các địa phương chú trọng trong những năm gần đây. Theo chúng tôi, cả bốn vấn đề phải được nghiên cứu và đưa vào nội dung các nghị quyết như là những giải pháp căn bản cho phát triển trong những năm tới □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Lương Đình Hải chủ biên (2008), *Vấn đề sở hữu và phát triển bền vững ở Việt Nam và Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Quốc Toàn (2013), *Đổi mới quan hệ sở hữu đất đai: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Đình Bồng (2013), “Chính sách tích tụ ruộng đất nhìn từ thực tiễn vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Cộng sản*, số 847.
8. Lương Đình Hải (2012), *Một vài suy nghĩ về quan hệ đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta hiện nay*, http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/tulieuedang/details.asp?topic=168&subtopic=306&leader_topic=867&id=BT851235087 (ngày 7/5/2012).
9. Hội đồng Lý luận Trung ương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2009), *Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam: cơ sở lý luận và thực tiễn*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia, Hà Nội.
10. Vũ Văn Phúc (chủ biên), Lý Việt Quang, Trần Thị Minh Châu (2013). *Những vấn đề về sở hữu, quản lý và sử dụng đất đai trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.